

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 5
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng I Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010003	Võ Thanh	An	03/04/1990	5	7					6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
2	3375010006	Lê Hoàng	Anh	17/02/1990	2	2					2.00	0.60	1.00	0.70	1	
3	3375010007	Nguyễn Tuấn	Anh	27/08/1991	3						3.00	0.90	3.00	2.10	3	Học lại
4	3375010032	Nguyễn Gia	Cường	23/05/1989	3	3					3.00	0.90	6.00	4.20	5	
5	3375010034	Nguyễn Huy	Cường	25/10/1990	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Bảo lưu
6	3375010038	Trần Minh	Cường	25/07/1991	3	3					3.00	0.90	4.00	2.80	4	
7	3375010050	Đình Hữu	Duy	02/02/1989	2	5					3.50	1.05	4.00	2.80	4	
8	3375010055	Phú Minh	Duy	20/12/1989	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	Học lại
9	3375010056	Trần Quang	Duy	24/09/1991	6	5					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
10	3375010061	Cao Xuân	Dương	17/04/1990	6	6					6.00	1.80	7.00	4.90	7	Học lại
11	3375010062	Hồ Minh	Dương	09/06/1991	7	3					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
12	3375010068	Nguyễn Văn	Dương	16/08/1991	5	3					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
13	3375010079	Mai Văn	Đảm	02/07/1991	7	3					5.00	1.50	4.00	2.80	4	
14	3375010083	Trần Văn	Đoàn	05/02/1989	7	5					6.00	1.80	2.00	1.40	3	Học lại
15	3375010102	Đoàn Viết	Hạnh	12/09/1991	6	6					6.00	1.80	7.00	4.90	7	Học lại
16	3375010103	Nguyễn Văn	Hạnh	22/05/1988	6						6.00	1.80	3.00	2.10	4	Học lại
17	3375010104	Lê Thanh	Hào	20/04/1990	5	7					6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
18	3375010113	Trần Hoàng	Hải	16/09/1991	4	5					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
19	3375010115	Trần Minh	Hải	12/05/1991	4	2					3.00	0.90	4.00	2.80	4	
20	3375010124	Trần Minh	Hoàng	15/03/1991	4	3					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
21	3375010140	Phạm Xuân	Hữu	28/02/1989	9						9.00	2.70	5.00	3.50	6	Học lại

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010149	Nguyễn Đức	Khiêm	23/02/1991	3	3					3.00	0.90			1	
23	3375010160	Đình Đức	Lâm	04/06/1990	5	6					5.50	1.65	4.00	2.80	4	Học lại
24	3375010164	Đạo Văn	Lắm	05/05/1987	6	6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	
25	3375010219	Lê Minh	Nhật	18/02/1991	2	1					1.50	0.45	3.00	2.10	3	
26	3375010220	Trần Thanh	Nhật	10/06/1991	4	1					2.50	0.75	5.00	3.50	4	
27	3375010226	Nguyễn Thuận	Phát	11/02/1989	5	7					6.00	1.80	1.00	0.70	3	Học lại
28	3375010230	Nguyễn Quang	Phong	18/09/1991	5	6					5.50	1.65	6.00	4.20	6	Học lại
29	3375010235	Nguyễn Văn	Phòng	12/06/1991	0	1					0.50	0.15	1.00	0.70	1	
30	3375010236	Nguyễn Anh	Phụng	25/03/1991		7					7.00	2.10	1.00	0.70	3	Học lại
31	3375010242	Phạm Quốc	Phú	29/06/1990	8	2					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
32	3375010250	Tạ Thanh	Phượng	28/09/1990	4	2					3.00	0.90	5.00	3.50	4	
33	3375010264	Lê Quang	Quyền	01/01/1991	2	2					2.00	0.60	2.00	1.40	2	
34	3375010281	Lê Văn	Tâm	14/03/1991	2	3					2.50	0.75	5.00	3.50	4	
35	3375010299	Trương Công	Thanh	25/10/1990		7					7.00	2.10	4.00	2.80	5	Học lại
36	3375010304	Ngô Văn	Thắng	07/08/1991	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
37	3375010309	Nguyễn Văn	Thành	19/05/1990	3	1					2.00	0.60	3.00	2.10	3	
38	3375010317	Nguyễn Thành	Thi	05/11/1991	7	2					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
39	3375010328	Nguyễn Thanh	Thu	23/11/1991	1	4					2.50	0.75	3.00	2.10	3	
40	3375010340	Phạm	Tiên	10/01/1991	4	2					3.00	0.90	5.00	3.50	4	
41	3375010345	Cao Tuấn	Toàn	07/12/1990	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	Học lại
42	3375010347	Trần Hữu	Toàn	20/01/1990	6	2					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
43	3375010349	Lê Văn	Tĩnh	25/05/1987	5	3					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
44	3375010353	Phạm Đình	Trọng	27/03/1991	6	4					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
45	3375010356	Phạm Đình	Trí	26/03/1991	5	2					3.50	1.05	4.00	2.80	4	
46	3375010366	Dương Tấn	Trịnh	26/02/1991	5	6					5.50	1.65	5.00	3.50	5	Học lại
47	3375010375	Huỳnh Thanh	Tuấn	14/09/1991	6	2					4.00	1.20	3.00	2.10	3	
48	3375010385	Đỗ Thanh	Tùng	08/05/1991	4	4					4.00	1.20	5.00	3.50	5	

STT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
49	3375010396	Nguyễn An Công	Viễn	09/08/1991	1	3					2.00	0.60	4.00	2.80	3
50	3375010413	Huỳnh Công	Vỹ	09/04/1991	6	4					5.00	1.50	6.00	4.20	6

Tổng: 50.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	2	4.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	10	20.0
Trung bình	10	20.0
Không đạt	28	56.0
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/..../.....
Giáo Vụ Khoa

Trưởng Khoa